

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 03/2019/DS - ST

Ngày 29/5/2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hòa.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền.

2. Ông Nguyễn Kim Thành.

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 07/2019/TLST - DS ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST-HPT ngày 02/5/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng giám đốc. Người được ủy quyền tham gia tố tụng: ông Trần Triệu K, văn bản ủy quyền số 780/2018/UQ-TTT ngày 28 tháng 12 năm 2018. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức T. Sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ 28A tổ 79 (mới), phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và ý kiến trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Triệu K trình bày:

Vào ngày 21.11.2016 ông Nguyễn Đức T có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) với Ngân hàng thương mại cổ phần S. Căn cứ vào thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng, lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, ông T đã thực hiện nhiều lần giao dịch với tổng số tiền là 7.500.000 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T mới thanh toán cho Ngân hàng số tiền 3.947.000 đồng (theo thứ tự ưu tiên thanh toán tại Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01.6.2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày xét xử (29.5.2019), ông T còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc: 7.646.359 đồng;

Lãi quá hạn: 3.541.054 đồng;

Tổng cộng: 11.187.413 đồng.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đức T phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi nói trên. Ông Nguyễn Đức T phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 30.5.2019 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

* Bị đơn ông Nguyễn Đức T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của ông Nguyễn Đức T trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Nguyễn Đức T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ông Nguyễn Đức T (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng tín dụng bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 21.11.2016 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với ông Nguyễn Đức T, có nội dung: Ngân hàng thương mại cổ phần S đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Đức T với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng dưới hình thức hạn mức tín dụng, để tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,5%/tháng, lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Theo thỏa thuận, ông Nguyễn Đức T có trách nhiệm thanh toán nợ theo thông báo giao dịch hàng tháng mà Ngân hàng gửi cho ông theo thứ tự ưu tiên thanh toán tại Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Sau khi được cấp thẻ, ông T đã thực hiện giao dịch nhiều lần với tổng số tiền là 7.500.000 đồng và các khoản lãi, phí phát sinh trên thẻ nhưng ông không thanh toán đúng hạn nên Ngân hàng đã tính lãi trên tổng dư nợ qua từng kỳ đến hạn. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T mới thanh toán cho Ngân hàng số tiền 3.947.000 đồng (theo thứ tự ưu tiên thanh toán tại Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Mặc dù Ngân hàng đã thực hiện thông báo giao dịch hàng tháng và nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngày 01.6.2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày xét xử (29.5.2019), ông T còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc: 7.646.359 đồng;

Lãi quá hạn: 3.541.054 đồng;

Tổng cộng: 11.187.413 đồng.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đức T phải trả toàn bộ khoản nợ nói trên.

Đại diện nguyên đơn yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 30.5.2019 cho đến khi ông Nguyễn Đức T trả hết nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với ông Nguyễn Đức T trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Đức T đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thông báo giao dịch của Ngân hàng, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện

chí trả nợ. Ngày 01.6.2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn trên toàn bộ dư nợ theo quy định của Sbank. Hội đồng xét xử xét thấy ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã ký kết trong hợp đồng tín dụng. Việc khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đức T phải trả số tiền còn nợ nói trên là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên cần được chấp nhận.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 30.5.2019 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng ngày 21.11.2016 cho đến khi ông Nguyễn Đức T thanh toán xong khoản nợ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S được chấp nhận nên bị đơn là ông Nguyễn Đức T phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền ông Nguyễn Đức T phải chịu là $(11.187.413 \text{ đồng} \times 5\%) = 559.370 \text{ đồng}$.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 09210 ngày 15/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với ông Nguyễn Đức T.

Xử:

1. Buộc ông Nguyễn Đức T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 11.187.413 đồng. Trong đó, nợ gốc 7.646.359 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.541.054 đồng (tính đến ngày 29.5.2019).

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 30.5.2019 trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng ngày 21.11.2016 cho đến khi ông Nguyễn Đức T thanh toán xong khoản nợ.

2. Án phí DS - ST: 559.370 đồng ông Nguyễn Đức T phải chịu. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 09210 ngày 15/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận S;
- Chi cục THA dân sự quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phước Hòa

